

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST
Ngày 13 - 8 - 2020
*“Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con
và cấp dưỡng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TV, TTV

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thành

Bà Thạch Thị Mỹ Kim

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuyền, Thư ký - Tòa án nhân dân thành phố TV, TTV.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Chí Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 37/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 về việc *“Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con và cấp dưỡng”*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 (Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2020/QĐST-HNGĐ ngày 06/8/2020), giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1990 (có mặt).

Nơi cư trú: Đường Võ Văn Kiệt (Vành Đai), khóm 7, phường 7, thành phố TV, TTV.

Bị đơn: Anh Nguyễn Giang C, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Đường Võ Văn Kiệt (Vành Đai), khóm 7, phường 7, thành phố TV, TTV.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ T trình bày: Chị và anh Nguyễn Giang C xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 7 (Giấy chứng nhận kết hôn số: 103/2013, quyền

số 01/2013 ngày 27/8/2013), thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến tháng 01 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau, tính tình không hợp nhau nên mâu thuẫn xảy ra, chị T và anh C đã sống ly thân cho đến nay. Nay, chị T yêu cầu được ly hôn với anh C.

- *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Mỹ T và anh Nguyễn Giang C có với nhau 01 người con chung tên là Nguyễn Đức Tr, sinh ngày 01/7/2017 hiện đang do chị T nuôi dưỡng (cháu Tr vẫn khỏe mạnh, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần). Nay, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị T yêu cầu anh Cảnh cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Tr tròn 18 tuổi.

- *Tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Giang C vắng mặt tại phiên tòa.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TV, TTV*:

+ *Về tố tụng*: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Riêng bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và vắng mặt không có lý do.

+ *Về nội dung*: Vị Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ T. Cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Giang C. Giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng; buộc anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Đức Tr 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Trung tròn 18 tuổi. Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật của vụ án và thẩm quyền giải quyết*: Chị Nguyễn Thị Mỹ T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Giang C, yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung nên quan hệ pháp luật của vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con và cấp dưỡng*” căn cứ vào khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Giang C có nơi cư trú khóm 7, phường 7, thành phố TV, TTV nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

thành phố TV, TTV theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Mỹ T và anh Nguyễn Giang C xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 7, thành phố TV, TTV là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Trong quá trình chung sống chị T và anh C sống chung hạnh phúc được một thời gian. Chị T và anh C có với nhau 01 người con chung tên là Nguyễn Đức Tr, sinh ngày 01/7/2017 hiện đang do chị T nuôi dưỡng. Đến tháng 01 năm 2020 thì chị T và anh C phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai người sống không hòa hợp nên mâu thuẫn thường xuyên xảy ra, chị T và anh C đã ly thân nhau, trong suốt thời gian ly thân hai người bỏ mặc nhau, không quan tâm chăm sóc nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh C là có căn cứ như ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên.

Bị đơn anh Nguyễn Giang C đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để tự khai, tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên họp công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, anh C vắng mặt không có lý do, nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh C là phù hợp với quy định của pháp luật tại điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] *Về con chung*: Cháu Nguyễn Đức Tr, sinh ngày 01/7/2017 hiện đang do chị Trinh nuôi dưỡng; cháu vẫn khỏe mạnh, không bị nhược điểm về tâm thần, thể chất. Tại phiên tòa hôm nay chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, chị T có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi dạy con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T. Giao cháu Nguyễn Đức Tr cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Anh C có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

[3] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị Nguyễn Thị Mỹ T yêu cầu anh Nguyễn Giang C cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đ/tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Xét thấy, cháu Nguyễn Đức Tr là con chung của chị Nguyễn Thị Mỹ T và anh Nguyễn Giang C theo giấy Trích lục khai sinh số 416/TLKS-BS ngày 24/7/2017 của Ủy ban nhân dân phường 7 thành phố TV, TTV. Tại khoản 2, Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2015 có quy định “2. *Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*”. Do đó, cần buộc anh Nguyễn Giang C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Đức Tr, sinh ngày 01/7/2017 là 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Nguyễn Đức Tr tròn 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ Tr phải chịu án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm; anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 288; khoản 1, Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 71; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ T.

Cho chị Nguyễn Thị Mỹ T được ly hôn với anh Nguyễn Giang C.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Nguyễn Đức Tr, sinh ngày 01/7/2017 cho chị Nguyễn Thị Mỹ T tiếp tục nuôi dưỡng. Buộc anh Nguyễn Giang C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Đức Tr 1.000.000/tháng (*Một triệu đồng*) cho đến khi cháu Nguyễn Đức Tr tròn 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng được bắt đầu tính từ ngày tuyên án (13 - 8 - 2020). Anh Nguyễn Giang C có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ T khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mỹ T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số: 0006294 ngày 07/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (chuyển thành án phí). Buộc anh Nguyễn Giang C phải có nghĩa vụ nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Giang C vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã (phường) nơi anh C cư trú.

** Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP Trà Vinh;
- THADS TP Trà Vinh;
- UBND phường 7, TPTV;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Gấm